TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 262/2022/HC-PT
Ngày: 22/11/2022
V/v "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tào**

Các thẩm phán: Ông **Trần Quốc Cường**

Ông **Đặng Kim Nhân**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Phong** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Ông **Đỗ Xuân Ân** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2022 tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm trực tuyến tại điểm cầu trung tâm: Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần: Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đối với vụ án hành chính thụ lý số 137/2022/TLPT-HC ngày 13 tháng 7 năm 2022 về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*. Do bản án hành chính sơ thẩm số 33/2022/HC- ST ngày 09 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 40/2022/QĐPT-HC ngày 26 tháng 10 năm 2022; giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Vũ Thế H, sinh năm 1972, bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1972. Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Vắng.

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn N - Phó Chủ tịch. Vắng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Hồ Đắc T - Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1984, bà Lê Thị Thanh T, sinh năm 1996. Địa chỉ: xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Vắng.

2. Ông Đặng Văn T1, sinh năm 1990. Địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đặng Văn T1: Ông Nguyễn Đức T2. Địa chỉ: thành phố B, Đắk Lắk. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đặng Văn T1: Luật sư Lương Thanh V, Văn phòng luật sư T, Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

3. Ông Phạm Xuân T1. Địa chỉ: tỉnh Thái Bình. Vắng.

4. Ủy ban nhân dân xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T - Phó Chủ tịch.

Địa chỉ: xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng.

Người kháng cáo: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đăng Văn T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, tại phiên tòa người khởi kiện ông Vũ Thế H, bà Nguyễn Thị N trình bày:

Ngày 06/7/2018, vợ chồng ông H, bà N có nhận chuyển nhượng của ông Phạm Xuân T1 diện tích đất 1,5 ha tại xã E, huyện B bằng giấy viết tay, không được chính quyền địa phương xác nhận. Đất có vị trí như sau: Phía Đông giáp suối; Phía Tây giáp đất của ông Vũ Thế H; Phía Nam giáp đất của ông Vũ Thế H, Phía Bắc giáp suối;

Sau khi nhận chuyển nhượng, ông H, bà N đã trực tiếp quản lý và sử dụng từ đó đến nay không có tranh chấp với ai. Đến năm 2019 được biết Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Đắk Lắk có chủ trương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho khu vực đất này. Quá trình làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì được biết diện tích đất này Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Đắk Lắk đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 912113 ngày 01/3/2019 cho ông Nguyễn Quang T, bà Lê Thị Thanh T thường trú tại Thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk và gia đình ông, bà đã làm đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân huyện B. Ngày 13/5/2021, Ủy ban nhân dân huyện B trả lời: Theo kết quả kiểm tra, rà soát hồ sơ của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B, từ ngày 10/6/2019 toàn bộ diện tích đất 15.390,1m^2 hiện nay ông Vũ Thế H có đơn khiếu nại đã thuộc quyền sử dụng đất của ông Đặng Văn T1, địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Nguyễn Quang T, bà Lê Thị Thanh T) và Nhà nước không thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp trái

pháp luật trong các trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 luật đất đai nếu người được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đã được giải quyết theo quy định của pháp luật".

Nay ông, bà yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung sau: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 912113 ngày 01/3/2019 cấp cho ông Nguyễn Quang T, bà Lê Thị Thanh T ngày 10/6/2019 đã đăng ký biến động sang tên cho ông Đặng Văn T1 vào ngày 10/6/2019. Vì các lý do sau:

T nhất: Ông T, bà T được cấp Giấy chứng nhận là không đúng đối tượng sử dụng đất được cấp vì đất là của vợ chồng tôi, vợ chồng tôi đang trực tiếp quản lý, sử dụng từ năm 2018 đến nay không có tranh chấp với ai.

T hai: Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 912113 ngày 01/3/2019 cho ông Nguyễn Quang T, bà Lê Thị Thanh T không tuân thủ đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Tài liệu chứng minh đất không có tranh chấp là không đúng sự thật khách quan vì thửa đất này giáp đất của ông, bà nhưng lại đưa người khác ký giáp ranh là không đúng.

Quá trình tố tụng người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện B trình bày:

Năm 2019 ông Nguyễn Quang T lập hồ sơ kê khai đăng ký, cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất gửi đến UBND xã E, hồ sơ gồm:

- Giấy cho đất viết tay ngày 12/3/2005 giữa ông Nguyễn Vững và ông Nguyễn Quang T, đối với diện tích đất khoảng 01ha tại xã E, huyện B.

- Trích lục bản đồ địa chính số 092/TL-CNBĐ-KTĐC do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện B lập ngày 24/01/2019 tại thửa đất số 09, tờ bản đồ số 53, diện tích 15390,1m^2 tại xã E.

- Đơn đăng ký, cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của ông Nguyễn Quang T tại thửa đất số 09, tờ bản đồ số 53, diện tích 15.390,1m^2 thuộc thôn E, xã E, huyện B.

Sau khi tiếp nhận hồ sơ UBND xã E đã thực hiện kiểm tra, xác nhận hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng tài sản gắn liền với đất so với nội dung kê khai đăng ký; xác nhận nguồn gốc đất, thời điểm sử dụng đất, tình trạng tranh chấp đất, phù hợp với quy hoạch và tiến hành niêm yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ, xác nhận hiện trạng, tình trạng tranh chấp, nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất tại trụ sở UBND xã E và thôn E trong 15 ngày từ ngày 31/01/2018 đến ngày 15/02/2019. Hết thời gian niêm yết công khai, UBND xã E đã lập Tờ trình ngày 19/02/2019 đề nghị cấp GCNQSD đất cho ông Nguyễn Quang T, xác nhận vào đơn đăng ký và hoàn chỉnh hồ sơ, gửi hồ sơ đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện. Nhận được hồ sơ từ UBND xã E, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B đã tiến hành kiểm tra hồ sơ, xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận vào đơn đăng ký, cập nhật thông tin thửa đất, tài sản gắn liền

với đất vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai và lập Phiếu chuyển thông tin gửi đến cơ quan Thuế để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai và chuyển hồ sơ đến phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B để trình UBND huyện ban hành Quyết định công nhận và ký GCN theo quy định. Sau khi người sử dụng đất hoàn thành nghĩa vụ tài chính, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 677/QĐ-UBND, ngày 01/3/2019 công nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 09, tờ bản đồ số 53, thôn E, xã E, huyện B và cấp GCNQSD đất số CD 912113 cho ông Nguyễn Quang T và bà Lê Thị Thanh T theo quy định.

Việc UBND huyện B ban hành các Quyết định số 677/QĐ-UBND ngày 01/3/2019 công nhận QSD đất và cấp GCNQSD đất cho ông Nguyễn Quang T và bà Lê Thị Thanh T là đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật, đúng quy trình thủ tục theo bộ thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai, đúng với Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ địa chính.

Theo kết quả kiểm tra, rà soát hồ sơ của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B, từ ngày 10/6/2019 toàn bộ diện tích đất 15.390,1m^2 hiện nay ôngVũ Thế H có đơn khởi kiện đã thuộc quyền sử dụng đất của ông Đặng Văn T1, địa chỉ thường trú tại TDP 10, phường Tân Thành, tp. B (nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Nguyễn Quang T và bà Lê Thị Thanh T). Mặt khác, "Giấy sang nhượng đất rẫy" ngày 06/7/2018 do ông Vũ Thế H, bà Nguyễn Thị N cung cấp là giấy viết tay, không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền là chưa đảm bảo quy định tại thời điểm hiện hành.

Do đó, Ủy ban nhân dân huyện B đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, bà N.

Đại diện theo uỷ quyền của Ủy ban nhân dân xã E, huyện B trình bày:

Ngày 31/1/2018, bộ phận Địa chính UBND xã E nhận hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1984 và bà Lê Thị Thanh T, sinh năm 1996; Địa chỉ thường trú: Thôn H, xã Q, huyện C đối với thửa đất số 09, tờ bản đồ số 53, diện tích 15.390,1 m^2, địa chỉ thửa đất: Thôn E, xã E, huyện B, UBND xã giao cho Công chức Địa chính xã kiểm tra hiện trạng, nguồn gốc và quá trình sử dụng đất, tình trạng tranh chấp, sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; Sau khi kiểm tra hiện trạng tại thực địa và xác minh nguồn gốc quá trình sử dụng đất (Hiện trạng đất trồng cây lâu năm, nguồn gốc: Nhận cho tặng năm 2005).

Bộ phận địa chính kiểm tra thành phần hồ sơ, đối chiếu quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011-2020 của huyện B tiến hành tham mưu cho UBND xã thông báo công

khai trong vòng 15 ngày theo quy định tại hội trường thôn E và tại Trụ sở UBND xã (từ ngày 31/01/2018 đến ngày 15/02/2019). Sau khi kết thúc công khai, không có ý kiến không đồng ý với kết quả thẩm tra trên; Ngày 20/02/2019, UBND xã E lập tờ trình số 121/TTr-UBND đề nghị cấp GCNQSD đất cho ông Nguyễn Quang T.

Bản mô tả ranh giới, mốc giới sử dụng đất do đơn vị đo đạc (Chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai huyện B) phối hợp với người dẫn đạc (Thôn phó thôn E) cùng với chủ sử dụng đất và người quản lý đất liên quan tiến hành xác định ranh giới, mốc giới trên thực địa.

Do đó, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, bà N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn T1 trình bày:

Ông Đặng Văn T1 có nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1984 và bà Lê Thị Thanh T, sinh năm 1996; Địa chỉ thường trú: Thôn H, xã Q, huyện C thửa đất số 09, tờ bản đồ số 53, diện tích 15.390,1 m^2, địa chỉ thửa đất: Thôn E, xã E, huyện B. Việc chuyển nhượng giữa các bên tuân thủ đúng quy định pháp luật, khi nhận chuyển nhượng ông T, bà T đã chỉ ranh giới mốc giới cho ông T1. Ông T1 nhận chuyển nhượng thửa đất để xây dựng trang trại nuôi heo, do tình hình dịch bệnh nên ông chưa xin được giấy phép và xây dựng trang trại được. Ông T1 có thường xuyên vào thửa đất tuy nhiên chưa bao giờ gặp ông H, bà N sử dụng đất. Nay ông H, bà N yêu cầu Tòa án giải quyết hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 912113 ngày 01/3/2019 cấp cho ông Nguyễn Quang T, bà Lê Thị Thanh T ngày 10/6/2019, ông T, bà T đã chuyển nhượng cho ông Đặng Văn T1 thì ông T1 không đồng ý.

Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Xuân T1 trình bày:

Vào năm 2014 ông T1 và anh trai của ông nhận chuyển nhượng của 1 người đàn ông tại thôn E, xã E khoảng 30.000m^2 đất, nhưng ông không biết tên tuổi của người chuyển nhượng vì mọi giao dịch do anh trai ông T1 thực hiện. Sau đó anh trai ông T1 đã chuyển nhượng ½ diện tích đất cho người khác, còn lại diện tích ½ là của ông T1. Ông T1 đã sử dụng thửa đất ổn định từ năm 2014 đến năm 2018. Ngày 06/7/2018, ông Phạm Xuân T1 chuyển nhượng cho ông H, bà N diện tích đất 1,5ha tại xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Ông T1 không trực tiếp chuyển nhượng diện tích đất cho ông H, bà N mà mọi giao dịch đều qua ông Phạm Đình Sáu, giấy chuyển nhượng không có xác nhận của chính quyền địa phương, khi chuyển nhượng không chỉ mốc giới, tứ cận sử dụng, các giấy tờ mua bán đều do ông H quản lý, ông T1 không giữ giấy tờ gì.

Quá trình giải quyết vụ án qua xác minh ông Nguyễn Quang T, bà Lê Thị Thanh T không còn sinh sống tại địa phương nên Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng cho ông T, bà T.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 33/2022/HC- ST ngày 09 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ Điều 30, Điều 32, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính; Điều 101 Luật đất đai; Điều 20, Điều 21, Điều 70, Điều 82 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ; Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ địa chính; Điều 11 Thông tư 25/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 05 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Thế H, bà Nguyễn Thị N.

Hủy giá trị pháp lý đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 912113 do Uỷ ban nhân dân huyện B cấp ngày 01/03/2019 cho hộ ông Nguyễn Quang T, bà Lê Thị Thanh T đối với thửa đất số 09, tờ bản đồ số 53, diện tích 15390,1 m^2, tại thôn E, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk, đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B đăng ký biến động sang tên cho ông Đặng Văn T1 vào ngày 10/6/2019.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 23/6/2022, ông Đặng Văn T1 kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa án theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa Đại diên Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Văn T1; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh luận; Xét thấy:

[1] Xét kháng cáo của ông Đặng Văn T1; nhận thấy:

[1.1]. Về trình tự thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Quang T, bà Lê Thị Thanh T:

- Xét giấy tặng cho ngày 12/3/2005 giữa ông Nguyễn Vững với ông Nguyễn Quang T với nội dung ông Vững tặng cho ông T diện tích hơn 01ha đất, thửa đất thuộc xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk, nguồn gốc diện tích đất trên do ông Nguyễn Vững khai hoang. Tuy giấy tặng cho này không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác nhận, nội dung tặng cho không rõ ràng, không mô tả được vị trí đất, tứ cận, giáp ranh, không có người làm chứng. Tuy nhiên tại Biên bản xác minh ngày 02/6/2022, ông Nguyễn Văn T xác định: Thửa đất đang tranh chấp trên là do ông nhận chuyển nhượng từ ông Dũng và ông Trí (cả hai ông đều đã chết) từ năm 2008. Đến năm 2010 ông chuyển nhượng lại ông Nguyễn Bá H (trú tại thị trấn Q, huyện C) với diện tích 7ha. Ông H canh tác chỉ canh tác 5,7 ha bên kia suối, diện tích còn lại 1,5 ha bên này suối (nay là thửa số 09, tờ bản đồ số 53) ông H không sử dụng mà do ông T, bà T sử dụng và đã đăng ký giấy CNQSD đất. Ông Phạm Xuân T1 không có đất ở vị trí này.

- Tại bản mô tả chi tiết mốc giới, ranh giới thửa đất ngày 24/01/2019 thể hiện người sử dụng đất, chủ quản lý đất liền kề thửa đất số 09, tờ bản đồ số 53 ký xác nhận ranh giới, mốc giới sử dụng đất là ông Nguyễn Thế H, ông Nguyễn Bá H. Theo báo cáo số 1110/BC-UBND ngày 03/6/2022 của UBND xã E cung cấp thửa đất giáp ranh, liền kề với thửa đất số 09 là thửa đất số 15 do ông Vũ Thế H, bà Nguyễn Thị N sử dụng. Tại địa phương không có ai tên là Nguyễn Thế H. Tuy nhiên có chữ ký ông Nguyễn Bá H là phù hợp với trình bày của ông Nguyễn Văn T nêu trên.

[1.2]. Quá trình đo đạt, thực hiện hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Quang T, bà Lê Thị Thanh T, UBND xã E có tiến hành niêm yết danh sách công khai trong thời hạn 15 ngày tại xã E và thôn E, nhưng không ai khiếu nại gì.

[1.3]. Ông Vũ Thế H và bà Nguyễn Thị N cho rằng ngày 06/7/2018 ông bà đã nhận chuyển nhượng thửa đất số 09, tờ bản đồ số 53 từ ông Phạm Xuân T1. Tại Biên bản lấy lời khai đương sự ngày 22/02/2022, ông Phạm Xuân T1 xác nhận: Quá trình chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông H, bà N tôi không trực tiếp thực hiện việc mua bán mà do ông Phạm Văn Sáu thực hiện. Việc chuyển nhượng không có xác nhận của chính quyền địa phương, không chỉ mốc giới, tứ cận sử dụng. Đồng thời ông Phạm Xuân T1 cũng không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh nguồn gốc diện tích đất này.

Từ những nhận định trên xét thấy, trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Quang T, bà Lê Thị Thanh T tuy có sai sót về người ký ranh giới liền kề, nhưng quá trình thực hiện là đúng với quy định tại

Điều 101 Luật đất đai. Do đó có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Văn T1; sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Thế H, bà Nguyễn Thị N.

[2]. Về chi phí tố tụng: Ông Vũ Thế H, bà Nguyễn Thị N phải chịu 1.500.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Đã nộp đủ.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng ông Vũ Thế H, bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm. Đã nộp đủ tại Biên lai thu tiền số 60AA/2021/0009583 ngày 16/11/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Ông Đặng Văn T1 không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 2 Điều 241 của Luật tố tụng hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Văn T1; sửa án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 30, Điều 32, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính; Điều 101 Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Thế H, bà Nguyễn Thị N về nội dung yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 912113 do Uỷ ban nhân dân huyện B cấp ngày 01/03/2019 cho hộ ông Nguyễn Quang T, bà Lê Thị Thanh T đối với thửa đất số 09, tờ bản đồ số 53, diện tích 15390,1 m^2, tại thôn E, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk, đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B đăng ký biến động sang tên cho ông Đặng Văn T1 vào ngày 10/6/2019.

[2]. Về chi phí tố tụng: Ông Vũ Thế H, bà Nguyễn Thị N phải chịu 1.500.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Đã nộp đủ.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng ông Vũ Thế H, bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm. Đã nộp đủ tại Biên lai thu tiền số 60AA/2021/0009583 ngày 16/11/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Ông Đặng Văn T1 không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả cho ông T1 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm tại Biên lai thu tiền số AA/2021/0020564 ngày 28/6/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Đương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tào